

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 15-7-2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Cường
- Ông Trương Thành Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký TAND khu vực 6 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2025/TLST-DS ngày 21/4/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-DS ngày 26/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Q;

Địa chỉ trụ sở: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận HH, Thành phố H. Nay là: Số 25 Lê Đại Hành, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Phó Phòng tổ tụng xử lý nợ - trung tâm xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 179/2023/UQ – HĐQT.NCB ngày 27/11/2023).

Người được ủy quyền của ông Tri: Bà Trần Hoàng D và/hoặc ông Tống Long H

Địa chỉ liên hệ: 151-153 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố H (Giấy ủy quyền số 1802/UQ – BDH.NCB ngày 17/3/2025). Nay là: 151-153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 35, ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: Số 35, ấp Xoài Đồi, xã Rạch Kiến, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 của nguyên đơn Ngân hàng Q và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Ngân hàng Q và Bà Phan Thị N có ký kết Hợp đồng cho vay số 455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/455/21/HĐCV-9322 ngày 04/11/2021. Trong đó, số tiền Ngân hàng cho bà N vay là 3.500.000.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng. Để đảm bảo khoản vay nêu trên, Bà Phan Thị N đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 455/21/HĐTC-9322 ngày 03/11/2021, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Đá và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An theo quy định. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 248109, số vào sổ cấp GCN CS13488 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 01/04/2020, thửa đất số 1617, tờ bản đồ 22; tại xã Long Trạch, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 145,2m².

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 130784, số vào sổ cấp GCN CH13810 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/06/2020, thửa đất số 235, tờ bản đồ 22; tại Ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 220m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N có thanh toán được tổng số tiền gốc, lãi là 725.766.349 đồng (trong đó: gốc đã thanh toán là 441.399.896 đồng; lãi đã thanh toán là 284.366.453 đồng). Sau đó, bà N không tiếp tục thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, do vậy khoản vay đã bị quá hạn. Tính đến ngày 15/7/2025, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 4.720.486.316 đồng (trong đó gồm: Dư nợ gốc: 3.058.600.104 đồng; Nợ lãi trong hạn:

1.048,220.739 đồng; Nợ lãi quá hạn: 436.685.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 176.979.883 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Bà Phan Thị N phải trả cho Ngân hàng Q tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/7/2025 là 4.720.486.316 đồng (trong đó gồm: Dư nợ gốc: 3.058.600.104 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.048,220.739 đồng; Nợ lãi quá hạn: 436.685.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 176.979.883 đồng).

2. Bà N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/455/21/HĐCV-9322 ngày 04/11/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng Q, bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng Q.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2025, bị đơn Bà Phan Thị N trình bày:* bà thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng Q vào ngày 03/11/2021, số tiền đã giải ngân là 3.500.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và tính đến ngày 13/3/2025 còn nợ Ngân hàng số tiền vốn, lãi là 4.513.274.401 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ thì bà đồng ý, nhưng do hiện nay đang khó khăn nên yêu cầu đến cuối tháng 6.2025 sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không thanh toán được nợ thì bà đồng ý việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Q trình bày: đến nay bà N vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà N phải thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác

minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại thời điểm ký kết hợp Hợp đồng cho vay số 455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/455/21/HĐCV-9322 ngày 04/11/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 455/21/HĐTC-9322 ngày 03/11/2021 giữa Bà Phan Thị N với ngân hàng thì các bên có đủ năng lực giao kết, hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức, nội dung được công chứng theo quy định pháp luật nên có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 292, 299, 317, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q, cụ thể :

- Buộc bà N thanh toán số nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 15/7/2025 là: 4.720.486.316 đồng, trong đó gồm: Dư nợ gốc: 3.058.600.104 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1,048.220,739 đồng; Nợ lãi quá hạn: 436.685.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 176.979.883 đồng. Thanh toán ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Về án phí: bà N không chịu án phí sơ thẩm do bà N là người cao tuổi. nhưng chịu chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: bị đơn Bà Phan Thị N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng bà N.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Q yêu cầu Bà Phan Thị N phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số

455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021. Bà N có địa chỉ tại số nhà số 35, ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nay là số nhà số 35, ấp Xoài Đồi, xã Rạch Kiến, tỉnh Tây Ninh. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1.]. Đối với yêu cầu trả tiền vốn vay và tiền lãi suất theo thỏa thuận:

[3.1.1]. Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021 giữa Ngân hàng Q với Bà Phan Thị N thể hiện hợp đồng được ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung thỏa thuận phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[3.1.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn Bà Phan Thị N không thanh toán đủ tiền gốc, tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Q.

[3.1.3]. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2025, Bà Phan Thị N cũng xác định các nội dung khởi kiện của Ngân hàng Q là đúng; bà N đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng Q theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q.

[3.1.4]. Vì vậy, Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án buộc Bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 15/7/2025 là 4.720.486.316 đồng (trong đó gồm: Dư nợ gốc: 3.058.600.104 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.048,220.739 đồng; Nợ lãi quá hạn: 436.685.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 176.979.883 đồng) là phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nên cần được chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Xét Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 455/21/HĐTC-9322 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Đá ngày 03/11/2021, số công chứng 6387 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Cần Đước) ngày 03/11/2021: Về hình thức, nội dung các điều khoản tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 248109, sổ vào sổ cấp GCN

CS13488 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 01/04/2020, thửa đất số 1617, tờ bản đồ 22; tại xã Long Trạch, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 145,2m² và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 130784, số vào sổ cấp GCN CH13810 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/06/2020, thửa đất số 235, tờ bản đồ 22; tại Ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 220m².

[3.2.2] Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Tại biên bản thẩm định ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh) đối với các thửa đất số 1617, 235, cùng tờ bản đồ số 22, tại ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp Xoài Đồi, xã Rạch Kiến, tỉnh Tây Ninh), thể hiện: tại thời điểm thẩm định, tại các thửa đất số 1617, 235 có công trình xây dựng là nhà ở cấp 4, khuôn viên nhà đất có hàng rào xung quanh hiện do bà N đang quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản.

[3.2.3] Vì vậy, Ngân hàng Q yêu cầu trong trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Để có căn cứ giải quyết vụ án, theo yêu cầu của Ngân hàng Q, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định. Do yêu cầu của Ngân hàng Q được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả lại cho Ngân hàng Q là đúng quy định.

[5]. Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[6]. Về án phí: bà N phải chịu toàn bộ án phí nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Q.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 207, 227, 228, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” với Bà Phan Thị N.

2. Buộc Bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q số tiền vay còn nợ tính đến ngày 15/7/2025 là 4.720.486.316 đồng (*bằng chữ: bốn tỉ, bảy trăm hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm mười sáu đồng*) (trong đó gồm: Nợ gốc: 3.058.600.104 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.048,220.739 đồng; Nợ lãi quá hạn: 436.685.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 176.979.883 đồng).

Kể từ ngày 16/7/2025, Bà Phan Thị N còn phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 455/21/HĐCV-9322 ngày 03/11/2021 đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp Bà Phan Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 455/21/HĐTC-9322 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Đá ngày 03/11/2021, số công chứng 6387 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Cần Đước) ngày 03/11/2021. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 248109, số vào sổ cấp GCN CS13488 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 01/04/2020, thửa đất số 1617, tờ bản đồ 22; tại xã Long Trạch, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 145,2m².

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 130784, số vào sổ cấp GCN CH13810 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/06/2020, thửa đất số

235, tờ bản đồ 22; tại Ấp Xi, xã L, huyện C, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài, diện tích 220m².

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Bà Phan Thị N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Q số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: bà N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng Q tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.256.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018514 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Tây Ninh).

7. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang